



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 2 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng

Chủ tịch

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Chủ tịch

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Hồ Hùng Anh

Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Quang

Thành viên

Ông Seokhee Won

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hồng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đình Toại

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Trung Thành

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 15 tháng 2 năm 2017)

Ông Nguyễn Anh Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Bà Đinh Kim Nhung

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

12/01/2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ Soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo Soát xét số: 17-01-254



Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.781.253.217.924	10.349.274.001.384
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	1.650.283.566.732	4.696.551.755.028
Tiền	111		4.903.566.732	20.951.755.028
Các khoản tương đương tiền	112		1.645.380.000.000	4.675.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.279.948.841.175
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	-	1.279.948.841.175
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.000.145.053.702	4.283.852.563.033
Phải thu của khách hàng	131	9	278.877.078.780	333.636.196.490
Trả trước cho người bán	132		49.818.712.268	6.589.975.715
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	-	1.663.716.876.592
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	671.449.262.654	2.279.909.514.236
Hàng tồn kho	140	12	126.803.005.723	79.445.760.231
Hàng tồn kho	141		129.048.833.690	79.725.053.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.245.827.967)	(279.293.596)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.021.591.767	9.475.081.917
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.556.771.852	9.475.081.917
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		464.819.915	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		9.042.231.639.014	5.087.719.815.800
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.001.832.399.710	20.667.561.158
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	3.806.716.876.592	-
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	195.115.523.118	20.667.561.158
Tài sản cố định	220		254.349.415.376	277.006.087.390
Tài sản cố định hữu hình	221	13	52.262.137.781	59.257.935.176
<i>Nguyên giá</i>	222		97.214.208.884	98.550.132.221
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.952.071.103)	(39.292.197.045)
Tài sản cố định vô hình	227	14	202.087.277.595	217.748.152.214
<i>Nguyên giá</i>	228		276.132.945.827	275.063.053.160
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(74.045.668.232)	(57.314.900.946)
Tài sản dở dang dài hạn	240		604.610.625	4.413.036.077
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	604.610.625	4.413.036.077
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.665.771.509.348	4.665.771.509.348
Đầu tư vào công ty con	251	8(b)	4.665.771.509.348	4.665.771.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		119.673.703.955	119.861.621.827
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	12.257.616.141	12.445.534.013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	107.416.087.814	107.416.087.814
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.823.484.856.938	15.436.993.817.184

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.791.919.747.618	4.246.769.360.739
Nợ ngắn hạn	310		2.791.919.747.618	4.246.769.360.739
Phải trả người bán	311	18	414.763.728.096	1.671.575.048.391
Người mua trả tiền trước	312		18.741.042.646	9.751.691.244
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	4.822.125.145	107.811.056.859
Chi phí phải trả	315	20	437.845.369.883	581.410.189.142
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	45.525.612.783	16.908.965.636
Vay ngắn hạn	320	22	1.870.221.869.065	1.859.312.409.467
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.031.565.109.320	11.190.224.456.445
Vốn chủ sở hữu	410	23	9.031.565.109.320	11.190.224.456.445
Vốn cổ phần	411	24	5.381.601.170.000	5.381.601.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.381.601.170.000	5.381.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Cổ phiếu quỹ	415	24	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		202.160.175.583	2.360.819.522.708
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.098.996.208	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		182.061.179.375	2.360.819.522.708
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.823.484.856.938	15.436.993.817.184

Ngày 15 tháng 8 năm 2017


 Người lập: 


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Phạm Đình Toại
 Quyền Giám đốc Tài chính



 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	3.925.655.946.309	4.377.561.337.269
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	48.611.986.719	26.547.859.285
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	3.877.043.959.590	4.351.013.477.984
Giá vốn hàng bán	11	28	2.954.348.783.463	3.558.323.789.430
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		922.695.176.127	792.689.688.554
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	412.931.035.594	590.175.481.562
Chi phí tài chính	22	30	30.115.419.960	29.849.116.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.914.028.866	29.691.472.997
Chi phí bán hàng	25	31	974.311.086.404	904.443.473.310
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	149.132.231.561	194.859.551.932
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		182.067.473.796	253.713.028.489
Thu nhập khác	31		354.057.122	428.881.448
Chi phí khác	32		360.351.543	1.735.254.276
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.294.421)	(1.306.372.828)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		182.061.179.375	252.406.655.661
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	-	3.111.424.737
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		182.061.179.375	249.295.230.924

Ngày 15 tháng 8 năm 2017


 Người lập: 


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng



Phạm Đình Toại
 Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt

 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	182.061.179.375	252.406.655.661
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	23.802.385.881	21.877.489.919
Các khoản dự phòng	03	3.548.152.930	6.694.437.786
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	04	16.081.019	34.871.000
Thu nhập lãi, lợi nhuận phân phối và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(250.000.000)	1.704.959.316
Chi phí lãi vay	05	(412.754.309.757)	(589.980.126.244)
	06	29.914.028.866	29.691.472.997
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(173.662.481.686)	(277.570.239.565)
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(25.518.341.145)	36.110.503.161
Biến động hàng tồn kho	10	(50.905.398.422)	(60.434.045.428)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.419.872.437.132)	(526.917.716.800)
Biến động chi phí trả trước	12	10.423.546.014	223.511.124
		(1.659.535.112.371)	(828.587.987.508)
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.929.659.906)	(29.903.528.926)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(48.221.652.715)	(66.057.681.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(1.737.686.424.992)	(924.549.197.740)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.356.416.477)	(23.092.667.958)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	250.000.000	2.994.089.006
Tiền chi cho vay	23	(3.330.405.000.000)	(3.131.978.712.592)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	6.729.614.068.000
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(742.018.000.000)	(14.411.800.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	2.021.966.841.175	11.938.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	-	(392.500.000.000)
Tiền thu lãi và lợi nhuận phân phối	27	1.883.952.463.804	1.360.299.101.008
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(168.610.111.498)	2.072.335.877.464
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	30.000.000.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	2.280.359.942.349	2.878.958.860.657
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(2.269.450.482.751)	(2.998.583.082.871)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.150.886.772.700)	(999.045.130.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.139.977.313.102)	(1.088.669.352.614)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.046.273.849.592)	59.117.327.110
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	5.661.296	(34.445.109)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.650.283.566.732	1.507.510.787.128

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

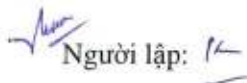
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
▪ Cần trừ cổ tức phải trả với các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt: 
Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt: 

Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 1.084 nhân viên (1/1/2017: 1.192 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin toàn diện về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Các khoản đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 6 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái. Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu của Công ty thường tăng trong quý 4 hàng năm vì các nhà phân phối chuẩn bị cho sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong những tháng trước dịp Tết Nguyên đán diễn ra vào quý đầu hàng năm. Theo đó, Công ty thường tăng mua các sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và đồ uống không cồn từ các công ty con cũng như tăng cường quảng cáo và khuyến mãi trong quý 4 hàng năm để thúc đẩy bán hàng trong thời gian dẫn đến mùa lễ hội.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính được lập cho báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hay các ước tính được lập cho báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	179.518.243	70.049.263
Tiền gửi ngân hàng	4.724.048.489	20.881.705.765
Các khoản tương đương tiền	1.645.380.000.000	4.675.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.650.283.566.732	4.696.551.755.028

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

8. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		- 1.279.948.841.175
		<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

(b) Đầu tư vào các công ty con

	30/6/2017		1/1/2017	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (*)	100%	1.906.000.009.348	100%	1.906.000.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (**)	100%	2.695.000.000.000	100%	2.695.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (***)	99.99%	64.771.500.000	99.99%	64.771.500.000
		<hr/>		<hr/>
		4.665.771.509.348		4.665.771.509.348
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016.

- (*) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 8 công ty con, bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”), và Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NPQ”). Các công ty con này, ngoại trừ MHG, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. MHG được thành lập trong năm 2015 và tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, công ty này vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (**) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 5 công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”), Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha và Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). VCF, VHC và QNW là các công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường. CDN là công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua VCF. Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (***) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) được thành lập vào năm 2016.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN (“MDN”) là công ty con của Công ty và được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã thông qua và chấp thuận giải thể MDN. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, quá trình giải thể MDN đã được hoàn thành.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	26.151.887.120	40.873.126.994
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	95.259.921.362	111.638.116.313
▪ Công ty Cổ phần Ma San PQ	1.512.305.917	1.510.898.062
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	2.141.345.606	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	675.365.243	666.575.479
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	309.408	2.082.020
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	-	5.644.586
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	31.460.390.693	31.752.716.796
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	3.844.486.327	3.833.035.010
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	2.047.484.783	-
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	880.413.612	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu về cho vay

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản cho vay phải thu từ công ty con		
▪ Ngắn hạn	-	1.663.716.876.592
▪ Dài hạn	3.806.716.876.592	-

Khoản phải thu về cho vay dài hạn không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm 6,5% tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Các khoản vay này đến hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đến hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	624.903.344.746	2.143.460.848.545
▪ Lãi dự thu (**)	-	114.905.802.559
▪ Phí quản lý phải thu (*)	38.834.360.226	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	3.089.922.444	19.461.623.060
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.268.673.000	468.100.000
Phải thu khác	1.352.962.238	1.613.140.072
	<hr/>	<hr/>
	671.449.262.654	2.279.909.514.236
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi dự thu (**)	178.636.852.927	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	16.478.670.191	20.667.561.158
	<hr/>	<hr/>
	195.115.523.118	20.667.561.158
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

(**) Đây là các khoản thu nhập tiền lãi phải trả từ các khoản cho vay một bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 10 và 35 để biết thêm thông tin.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.686.634.340	-	3.237.879.500	-
Nguyên vật liệu	14.179.166.457	-	9.974.429.552	-
Công cụ và dụng cụ	55.000.000	-	55.000.000	-
Thành phẩm	162.580.748	-	24.604.198	-
Hàng hóa	108.965.452.145	(2.245.827.967)	66.433.140.577	(279.293.596)
	<u>129.048.833.690</u>	<u>(2.245.827.967)</u>	<u>79.725.053.827</u>	<u>(279.293.596)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	279.293.596	-
Tăng dự phòng trong kỳ	3.548.152.930	6.694.437.786
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(1.581.618.559)	(646.743.856)
Số dư cuối kỳ	<u>2.245.827.967</u>	<u>6.047.693.930</u>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 2.246 triệu VND (1/1/2017: 279 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuế VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.511.680.743	55.688.424.678	21.374.775.898	3.678.969.980	16.296.280.922	98.550.132.221
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	75.821.200	75.821.200
Thanh lý	-	-	(219.122.727)	-	(1.192.621.810)	(1.411.744.537)
Số dư cuối kỳ	1.511.680.743	55.688.424.678	21.155.653.171	3.678.969.980	15.179.480.312	97.214.208.884
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.511.680.743	12.381.560.233	9.552.770.735	2.607.259.863	13.238.925.471	39.292.197.045
Khấu hao trong kỳ	-	5.225.854.536	998.431.312	245.946.588	601.386.159	7.071.618.595
Thanh lý	-	-	(219.122.727)	-	(1.192.621.810)	(1.411.744.537)
Số dư cuối kỳ	1.511.680.743	17.607.414.769	10.332.079.320	2.853.206.451	12.647.689.820	44.952.071.103
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	-	43.306.864.445	11.822.005.163	1.071.710.117	3.057.355.451	59.257.935.176
Số dư cuối kỳ	-	38.081.009.909	10.823.573.851	825.763.529	2.531.790.492	52.262.137.781

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 21.138 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 18.599 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	274.426.689.524	636.363.636	275.063.053.160
Tăng trong kỳ	1.069.892.667	-	1.069.892.667
Số dư cuối kỳ	275.496.582.191	636.363.636	276.132.945.827
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	56.678.537.310	636.363.636	57.314.900.946
Khấu hao trong kỳ	16.730.767.286	-	16.730.767.286
Số dư cuối kỳ	73.409.304.596	636.363.636	74.045.668.232
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	217.748.152.214	-	217.748.152.214
Số dư cuối kỳ	202.087.277.595	-	202.087.277.595

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 11.019 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 10.447 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu kỳ	4.413.036.077
Tăng trong kỳ	508.892.625
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.317.318.077)
Số dư cuối kỳ	604.610.625

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	12.445.534.013
Tăng trong kỳ	582.076.791
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.317.318.077
Phân bổ trong kỳ	(5.071.562.740)
Thanh lý	(15.750.000)
Số dư cuối kỳ	<u>12.257.616.141</u>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	78.654.098.879	78.654.098.879
Chi phí kho vận phải trả	14.294.842.087	14.294.842.087
Chiết khấu thương mại phải trả	2.985.486.550	2.985.486.550
Chi phí phải trả khác	11.481.660.298	11.481.660.298
	<u>107.416.087.814</u>	<u>107.416.087.814</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	414.763.728.096	414.763.728.096	1.671.575.048.391	1.671.575.048.391

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	70.286.659.644	293.403.208.653
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	27.473.786.015	268.490.649.315
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	-	32.291.494.140
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	257.389.666.614	978.486.498.095
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	8.960.254.143	4.014.833.237

Các khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Phát sinh	Nộp/hoàn lại	Khấu trừ	30/6/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	57.164.701.911	393.432.531.628	(57.173.013.656)	(393.424.219.883)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.305.568.458	-	(48.221.652.715)	-	83.915.743
Thuế thu nhập cá nhân	2.340.786.490	25.316.866.440	(21.508.496.207)	(1.410.947.321)	4.738.209.402
	107.811.056.859	418.749.398.068	(126.903.162.578)	(394.835.167.204)	4.822.125.145

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	262.024.323.773	393.270.494.395
Chi phí kho vận	73.433.290.980	71.474.210.434
Chi phí trưng bày	8.119.390.521	18.186.085.801
Thưởng và lương tháng 13	24.219.266.430	40.714.735.246
Chiết khấu bán hàng	4.470.715.194	14.927.432.751
Chi phí nghiên cứu thị trường	15.544.242.657	11.150.495.547
Chi phí lãi vay	1.417.975.958	1.433.606.998
Chi phí công nghệ thông tin	33.648.365.274	17.931.285.060
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	1.672.977.560	2.085.688.819
Chi phí khác	13.294.821.536	10.236.154.091
	<hr/>	<hr/>
	437.845.369.883	581.410.189.142

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	11.347.616.052	9.226.945.025
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	28.639.696.500	4.611.749.500
Các khoản phải trả khác	5.538.300.231	3.070.271.111
	<hr/>	<hr/>
	45.525.612.783	16.908.965.636

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.859.312.409.467	1.859.312.409.467	2.280.359.942.349	(2.269.450.482.751)	1.870.221.869.065	1.870.221.869.065

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Khoản vay ngắn hạn không có đảm bảo	VND	4,9% - 5,2%	1.870.221.869.065	1.859.312.409.467

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.658.498.305.558	11.457.903.239.295
Phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	249.295.230.924	249.295.230.924
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(2.896.096.655.200)	(2.896.096.655.200)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	11.696.881.282	8.841.101.815.019
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.360.819.522.708	11.190.224.456.445
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	182.061.179.375	182.061.179.375
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(2.340.720.526.500)	(2.340.720.526.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	202.160.175.583	9.031.565.109.320

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	538.160.117	5.381.601.170.000	538.160.117	5.381.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	520.160.117	5.201.601.170.000	520.160.117	5.201.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần		5.088.056.394.992		5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần hiện đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	-	-	3.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối kỳ - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	520.160.117	5.201.601.170.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.340.721 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 2.896.097 triệu VND).

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	67.273.470.899	96.092.770.180
Trong vòng 2 đến 5 năm	21.755.113.890	90.128.537.429
	89.028.584.789	186.221.307.609

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	63.378	1.436.771.098	442.583	10.055.480.535

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.795.000.000	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.923.811.027.449	4.377.382.295.013
▪ Doanh thu khác	1.844.918.860	179.042.256
	<hr/>	<hr/>
	3.925.655.946.309	4.377.561.337.269
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	5.853.113.935	15.473.430.314
▪ Hàng bán bị trả lại	42.758.872.784	11.074.428.971
	<hr/>	<hr/>
	48.611.986.719	26.547.859.285
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	3.877.043.959.590	4.351.013.477.984

28. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	2.950.800.630.533	3.551.629.351.644
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.548.152.930	6.694.437.786
	<hr/>	<hr/>
	2.954.348.783.463	3.558.323.789.430

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	92.136.089.451	103.276.426.845
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	63.731.050.368	69.961.067.444
Thu nhập lãi từ hoạt động đầu tư cho vay khác	-	55.311.896.449
Lợi nhuận phân phối từ một công ty con	256.887.169.938	361.430.735.506
Lãi chênh lệch tỷ giá	176.725.837	195.355.318
	<hr/>	<hr/>
	412.931.035.594	590.175.481.562

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	29.914.028.866	29.691.472.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá	201.391.094	157.643.388
	<hr/>	<hr/>
	30.115.419.960	29.849.116.385

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	682.347.741.748	607.676.718.403
Chi phí kho vận	148.240.501.876	177.517.267.365
Chi phí nhân viên	74.262.242.244	84.530.014.008
Chi phí trưng bày	32.419.728.962	15.164.986.808
Chi phí nghiên cứu thị trường	15.480.165.726	13.258.474.358
Chi phí bán hàng khác	21.560.705.848	6.296.012.368
	<hr/>	<hr/>
	974.311.086.404	904.443.473.310

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	53.649.271.899	84.632.456.553
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	37.603.346.452	51.633.047.710
Tiền thuê văn phòng	24.973.415.126	24.862.933.897
Chi phí nghiên cứu và phát triển	1.794.052.249	6.016.555.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.674.627.993	21.086.796.594
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.437.517.842	6.627.762.121
	<hr/>	<hr/>
	149.132.231.561	194.859.551.932

33. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.950.800.630.533	3.551.629.351.644
Chi phí nhân viên	127.911.514.143	169.162.470.561
Chi phí khấu hao	23.802.385.881	21.877.489.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	942.858.952.139	896.129.983.598
Chi phí khác	32.418.618.732	18.827.518.950

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Kỳ hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	3.111.424.737
	<hr/>	<hr/>
	-	3.111.424.737
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	-	3.111.424.737

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	182.061.179.375	252.406.655.661
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.412.235.875	50.481.331.132
Thu nhập không bị tính thuế	(51.377.433.988)	(72.286.147.101)
Chi phí không được khấu trừ thuế	194.705.001	5.381.792
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	14.770.493.112	24.910.858.914
	-	3.111.424.737

(*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm 256.887 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 361.431 triệu VND) khoản lợi nhuận phân phối từ công ty con không chịu thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% từ năm 2016 trở đi.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch			Phải thu/(phải trả) tại ngày 1/1/2017 VND
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã phân phối	2.270.686.203.000	2.799.261.836.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000	-	-
	Trả cổ tức bằng tiền	1.083.281.203.000	910.000.000.000	-	-
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Lợi nhuận được phân phối (**)	256.887.169.938	361.430.735.506	7.825.756.293	10.925.756.293
	Bán hàng hóa	71.016.267.608	106.361.420.203	-	-
	Mua hàng hóa	1.369.206.543.604	1.804.446.166.191	(27.473.786.015)	(268.490.649.315)
	Cho vay	3.330.405.000.000	3.131.978.712.592	3.806.716.876.592	1.663.716.876.592
	Thu hồi khoản cho vay thông qua cần trừ cổ tức phải trả	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	63.731.050.368	69.961.067.444	178.636.852.927	114.905.802.559
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	586.000.000.000	845.466.699.032
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiên	Mua hàng hóa	290.140.377.821	396.025.595.073	(70.286.659.644)	(293.403.208.653)
	Bán hàng hóa	4.894.524.228	7.951.482.105	-	-
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	209.362.343.040

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	5.086.033.524	8.620.161.605	2.141.345.606	-
	Mua hàng hóa	286.181.581.390	514.324.933.314	-	(32.291.494.140)
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	31.077.588.453	83.077.588.453
	Trả trước tiền hàng	11.313.585.894	-	11.313.585.894	-
	Bán tài sản cố định	-	41.221.616	-	-
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Bán hàng hóa	1.279.868	1.219.350	1.512.305.917	1.510.898.062
	Bán tài sản cố định	-	16.448.646	-	-
	Mua hàng hóa	-	2.220.000	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc	Bán hàng hóa	161.819.829	-	675.365.243	666.575.479
	Mua hàng hóa	23.671.957.770	-	-	-
	Trả trước tiền hàng	32.847.209.051	-	32.847.209.051	-
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	20.200.660.707	23.787.301.280	7.706.562.381	6.078.604.247
	Mua hàng hóa	243.016.869	665.680.274	-	-
	Phí quản lý	79.593.962.710	53.658.288.429	87.553.358.981	105.559.512.066
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	Bán hàng hóa	1.955.890	-	309.408	2.082.020
	Mua hàng hóa	25.800.000	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa Bán tài sản cố định Mua hàng hóa Phân phối lợi nhuận (**)	36.750.957.070 - 865.188.688.991 -	35.972.853.956 199.362.726 992.318.969.961 -	- - (257.389.666.614) -	- - (978.486.498.095) 994.628.461.727
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	67.127.135.004 874.915.000	7.247.847.941 429.651.000	(8.960.254.143) -	(4.014.833.237) -
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vinh Hào	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Phí quản lý	7.477.272 8.404.491.370 22.779.704.582	7.955.821 18.467.696.900 17.931.169.060	- 1.094.212.080 25.057.675.040	- 3.259.383.364 37.613.743.630
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	38.309.858	-	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	9.303.950	2.217.000	-	5.644.586
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Phí quản lý	295.403.362 29.652.360 22.125.100.397	341.750.400 - 14.874.957.831	- - 53.585.491.090	- - 31.752.716.796

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa Phí quản lý	29.961.804 1.318.174.519	1.441.050 1.328.019.948	17.558.574 4.601.277.859	6.107.257 3.826.927.753
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa Phí quản lý	81.527.481 8.917.402.057	- -	- 9.103.537.037	- -
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Bán hàng hóa Phí quản lý	163.992.600 9.135.409.067	- -	- 9.215.446.668	- -
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	13.142.617.617	14.633.166.252	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn và ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo kỳ hạn thông thường.

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không nhận khoản phí hội họp nào cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016.
- (**) Trong kỳ, Chủ tịch của MSI, VTF và MMB đã quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 256.887 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: MSI, VTF, MHD đã quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 361.431 triệu VND) cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”). Cùng ngày, Chủ tịch của MSF quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 256.887 triệu VND cho Công ty, trong đó 161.887 triệu VND được trả trực tiếp cho Công ty từ các công ty con (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: phân phối lợi nhuận với số tiền là 361.431 triệu VND được trả trực tiếp cho Công ty từ các công ty con).

36. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, Công ty đã phát hành thành công 4.972.660 cổ phiếu phổ thông bằng mệnh giá cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (“ESOP”) sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông vào tháng 4 năm 2017. Theo kết quả từ sự kiện này, vốn cổ phần và cổ phiếu phổ thông của Công ty tăng lên lần lượt là 5.431.327.770.000 VND và 543.132.777 cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017


Người lập: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Seokhee Won
Tổng Giám đốc